TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 11/7/2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

*Các hội thẩm nhân dân:*1**.** Ông D Đức Bản

2. Ông Trương Quang Lương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân TP. Đồng Hới: Ông Nguyễn Thế Hoà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST - DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm: 1987. Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 6, phường NL, thành phố ĐH, tỉnh QB. Địa chỉ cần bào: 55 ĐTH, phường ĐP, thành phố ĐH, tỉnh QB. Có mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Ngõ 30 đường TQB, tổ dân phố 3, phường NL, thành phố ĐH, tỉnh QB. Vắng mặt. Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Trung S; địa chỉ: Ngõ 30 đường TQB, tổ dân phố 3, phường NL, thành phố ĐH, tỉnh QB. Vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Thuý D, sinh 1994; địa chỉ: Số nhà 02, TQT, phường ĐP, thành phố ĐH, QB. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trương Quang V, sinh năm 1986; địa chỉ: Nhóm 5, Tổ dân phố 8, phường BL, thành phố ĐH, tỉnh QB. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Ngõ 30, đường TQB, TDP 3, phường NL, thành phố ĐH, tỉnh QB. Vắng mặt.

NỘI NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2022, trong các V bản tố tụng và trong buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2023, bản tự khai ngày 24/3/2023, chị N trình bày:

Thông qua giới thiệu chị N biết Bùi Thị T muốn bán thửa đất số 202, tờ bản đồ số 49 địa chỉ ngõ 30 đường Tạ Quang Bửu, Nam Lý, Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, chị T nói là đất của mình nhưng cho em gái là Bùi Thị D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì tin tưởng nên khi đặt cọc tiền chị N không kiểm tra giấy tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 10/10/2022, chị N ký hợp đồng đặt cọc với T và đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng (có bà Nguyễn Thị Cúc, anh Trương Quang V làm chứng). Chị N và Chị T đã thỏa thuận làm thủ tục công chứng vào ngày 21/11/2022, nhưng sau đó chị T báo tin do gia đình T đang có tranh chấp thửa đất nói trên nên không làm thủ tục công chứng được. Ngày 02/12/2022, chị N và T lập V bản hủy cọc, vợ chồng Trần Trung S, Bùi Thị T cam kết đến ngày 05/02/2023 trả cho chị N số tiền 50.000.000 đồng đặt cọc và 20.000.000 đồng chi phí phát sinh, tổng cộng 70.000.000 đồng. Nhưng đến nay anh S, và chị T vẫn chưa trả tiền cho chị N.

Để đảm bảo quyền lợi của mình chị N yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới buộc chị T trả số tiền 70.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 06/2/2023 tạm tính đến ngày khởi kiện là 70.000.000 đồng x 10%/năm x 28 ngày= 530.000 đồng.

Tuy nhiên đến nay, đã hết thời hạn thoả thuận, phía chị T vẫn chưa thực hiện các thủ tục để đủ điều kiện để thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho chị N như đã thỏa thuận theo đúng quy định của pháp luật tại V phòng công chứng. Dù phía chị N đã thúc giục gặp gỡ trao đổi trực tiếp nhiều lần với chị T để yêu cầu chị T ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng nhưng chị T vẫn không hợp tác. Qua tìm hiểu thì chị T được biết lô đất mà chị T nhận tiền đặt cọc của chị N không phải đất của chị T mà lô đất đó đứng tên của chị D là chủ sở hữu. Sau đó chị N tìm gặp chị T để làm việc và hai bên đã viết giấy huỷ cọc ngày 02/12/2022 đồng thời cam kết sẽ trả tiền lại cho chị N.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, căn cứ vào nội dung thỏa thuận của Giấy nhận đặt cọc ngày 10/10/2022 và giấy huỷ cọc ngày 02/12/2022 chị N yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết cụ thể như sau:

Tuyên buộc chị N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị N khoản tiền mà chị T đã nhận đặt cọc với số tiền là: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn); và buộc chị T và anh S có nghĩa vụ trả cho chị N khoản tiền theo thỏa thuận do vi Hợp đồng đặt cọc với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn); buộc chị T phải thanh toán thêm số tiền lãi trên sổ tiền nhận đặt cọc được tính theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10% /năm (tức là bằng 0,83% tháng) cho chị N. Đây cũng là khoản tiền lãi thực tế mà chị N đã vay nhằm thực hiện giao dịch với chị T. Thời gian áp dụng tiền lãi được tính từ khi chị T nhận đặt cọc từ ngày 06/02/2023 đến ngày toà án thụ lý và giải quyết vụ án, tạm tính là 28 ngày. Vậy số tiền lãi chậm trả là: 70.000.000 đồng x 10%/tháng x 28 ngày = 530.000 đồng.

- Bị đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị T thừa nhận vào ngày 10/10/2022, chị Bùi Thị T (bên A) đã cùng chị Võ Thị N (bên B) ký kết hai giấy nhận đặt cọc về việc "Chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất"

Chị T thừa nhận đã nhận đủ số tiền đặt cọc do chị N giao với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Đối với số tiền 20.000.000 đồng chị T không đồng ý chị T cho rằng chị N đã ép hai vợ chồng chị ký cam kết trả nợ.

Do đó chị N đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật, để đảm bảo quyền lợi cho chị. Vì điều kiện hiện nay chị T đang chữa bệnh ngoài Hà Nội, không có điều kiện để vào tham gia tố tụng. Vì vậy chị T làm đơn xin Toà án xét xử vắng mặt chị.

- *Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thuỳ D:* Trần Thị Thuỳ D và chị Bùi Thị T có mối quan hệ bạn bè, nên chị T không có nhà ở chị D cho chị T ở nhờ, trong thời gian đó lợi dụng lòng tin của chị D nên chị T làm giấy đặt cọc với chị N để chuyển nhượng đất của chị D khi chưa có sự đồng ý của chị D. Khi chị D phát hiện được thì giữa chị N và chị T đã huỷ giấy đặt cọc ngày 10/10/2022. Nay chị D yêu cầu Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến trình bày của người làm chứng của anh Trương Quang V trình bày:* Anh V và chị T có mối quan hệ bạn bè, vào ngày 10/10/2022 chị T có bảo anh nhờ viết giấy đặt cọc cho chị T với chị N để đặt cọc mua đất, anh V có ký làm chứng trong Hợp đồng đặt cọc cho chị T nhận đặt cọc của chị Võ Thị N với số tiền là 50.000.000 đồng. Còn việc chị T và chị N thoả thuận trong giấy đặt cọc như thế nào thì anh V không rỏ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới:

Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án ban hành công V số: 1207 ngày 16/5/2023, đề nghị Công an thành phố Đồng Hới xác định bị đơn Bùi Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Trung S hiện có mặt tại đia phương không, có cắt chuyển hộ khẩu không. Công V số 151/CAP ngày 25/5/2023 của Công an thành phố Đồng Hới đã xác định Bùi Thị T, Trần Trung S có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 3, phường Nam Lý, hiện nay chưa cắt chuyển hộ khẩu, hiện không có mặt tại địa phương.

Tòa án ban hành Công V số:1028/TA ngày 16/5/2023 đề nghị Cục xuất nhập cảnh cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Công V số 13968 ngày 06/6/2023 của Cục xuất nhập cảnh xác nhận bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án hiện không xuất cảnh, tổ chức các phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, ban hành các quyết định tố tụng đúng căn cứ pháp luật. Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới áp dụng các Điều 26, 35, 39, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 122, 123, 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 10/10/2022 giữa Võ Thị N và Bùi Thị T là vô hiệu, do giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội. Do chủ thể không đúng

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Võ Thị N buộc Bùi Thị T trả số tiền mà chị N đã đặt cọc 50.000.000 đồng, không chấp nhận đối với yêu cầu tính tiền lãi. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Võ Thị N đối với khoản chi phí phát sinh với số tiền là 20.000.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản yêu cầu Toà án không chấp nhận.

Buộc bị đơn phải chịu nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ,và Hoà giải tuy nhiên không tiến hành hoà giải được, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng

không đến Toà án để giải quyết. Vì vậy Toà án Niêm yết các V bản tố tụng và đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Võ Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết Tranh chấp đòi lại tiền đặt cọc đề ngày 12/3/2021 với bị đơn là chị Bùi Thị T, buộc bị đơn trả số tiền đã đặt cọc và phải hỗ trợ chi phí về việc huỷ cọc, tiền lãi suất theo thỏa thuận. Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" nơi ký kết hợp đồng là nơi hợp đồng được thực hiện và bị đơn trú tại phường Nam Lý thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

[1.2]. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, đối với bị đơn là chị Bùi Thị T không đến Tòa án làm bản tự khai và vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện và tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn chị Bùi Thị T đến làm bản tự khai, anh Trần Trung S vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú thể hiện hiện nay ông Trần Trung S không có mặt tại địa chỉ số nhà 30 đường TQB, TDP 3 phường NL, thành phố ĐH, tỉnh QB. Tòa án ban hành công V số: 1207/TA ngày 16/5/2023, đề nghị Công an thành phố Đồng Hới xác định bị đơn Bùi Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung S hiện có mặt tại đia phương không, có cắt chuyển hộ khẩu không. Công V số 151/CATP ngày 25/5/2023 của Công an thành phố Đồng Hới xác định chị Bùi Thị T, anh Trần Trung S có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 3, phường Nam Lý chưa cắt chuyển hộ khẩu, hiện không có mặt tại địa phương.

Tòa án ban hành Công V 1028/TA ngày 16/5/2023 đề nghị Cục xuất nhập cảnh cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Công V số 13968/ ngày 06/6/2023 của Cục xuất nhập cảnh xác nhận bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án hiện không xuất cảnh.

Ngày 27 /6/2023, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2023/QĐST-DS ngày 27/6/2023 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 11/7/2023, đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các V bản tố tụng tại TDP 3 phường NL, thành phố ĐH, tỉnh QB và trụ sở UBND phường nơi bị đơn cư trú Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 11/7/2023 bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt. Toà àn đã tiến hành niêm yết tất cả các V bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và tiến hành niêm yết tại địa chỉ cư trú và làm việc của bị đơn và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về hình thức và nội dung của Hợp đồng đặt cọc:

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng thửa đất số 202, tờ bản đồ số 49 địa chỉ ngõ 30 đường Tạ Quang Bửu, Nam Lý, Đồng Hới cùng tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị Thủy D. Bà D không ủy quyền cho Bùi Thị T bán tài sản nên T không có quyền chuyển nhượng thửa đất trên, bà Võ Thị N biết thửa đất trên Bùi Thị T không phải là chủ sỡ hữu nhưng các bên vẫn ký hợp đồng đặt cọc. Trong trường hợp này chủ thể là bà Trần Thị Thùy D là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ủy quyền cho Bùi Thị T, vì vậy chị T không phải là chủ thể nhưng vẫn thực hiện việc ký hợp đồng đặt cọc. Theo quy định tại Điều 123 Bộ luật dân sự giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội, vì vậy hợp đồng đặt cọc ký kết ngày 10/10/2022 giữa Võ Thị N và Bùi Thị T là vô hiệu.

Đối với yêu cầu của chị Võ Thị N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới buộc Bùi Thị T trả số tiền là 70.000.000 đồng (50.000.000 đồng tiền đặt cọc và 20.000.000 đồng chi phí phát sinh. Do Hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc chị Bùi Thị T trả cho chị Võ Thị N số tiền 50.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng chi phí phát sinh đây là khoản tiền mà bị đơn Bùi Thị T hỗ trợ trong trường hợp chị T bán được nhà, nhưng hiện nay chị T không có mặt tại địa phương nên không chứng minh được, vì vậy, không chấp nhận yêu cầu trên của chị Võ Thị N.

[2.1]. Đối với yêu cầu tiền lãi:

Xét thấy yêu cầu của chị Võ Thị N buộc chị T trả tiền lãi từ ngày 06/02/2023 tính đến ngày khởi kiện là 70.000.000 đồng x 10%/năm x 28 ngày = 530.000 đồng. Thấy rằng do hợp đồng vô hiệu vì vậy, không chấp nhận yêu cầu tiền lải trên của chị Võ Thị N.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí về việc yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119, 122, 123, 131, 328 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị N.

Buộc chị Bùi Thị T phải trả cho chị Võ Thị N số tiền đã nhận đặt cọc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) theo giấy nhận đặt cọc ngày 10/10/2022 được ký giữa chị Bùi Thị T và chị Võ Thị N.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chị Bùi Thị T trả chi phí phát sinh và tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bị đơn chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Do yêu cầu của chị N buộc chị T phải trả thêm số tiền phí phát sinh là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 530.000 đồng không được chấp nhận. Vì vậy chị N phải chịu án phí là 1.026.500 đồng. Hoàn trả cho chị Võ Thị N số tiền là: 737.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 31AA/2021/0001461 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/7/2023). Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ